

Hiện Tại Hoàn Thành

Cấu trúc

Khẳng định: S + have/ has + V3 + O

Phủ định: S + have/ has + Not + V3 + O

Nghi vấn: Have/Has + S + V3 + O?

Câu hỏi (Wh_Q): Wh_Q + have/has + S + V3?

Dấu hiệu nhận biết

So far / many time / just / already / recently / lately / not...yet

For + 1 khoảng thời gian (for 5 years)

Since + 1 mốc thời gian (since 2012)

For so long/a long time

Cách sử dụng

1 sự việc xảy ra ở quá khứ nhưng kết quả vẫn liên quan đến hiện tại.

1 hành động thường xuyên làm trong quá khứ và vẫn tiếp tục đến hiện tại.

Nói về kinh nghiệm đã từng trải qua.

Hành động đã xảy ra trong quá khứ nhưng lại xảy ra trong quá khứ tiếp diễn.



LIVEWORKSHEETS